

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày 27-3-2023

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử
dụng đất và huỷ giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vinh
2. Ông Phạm Mạnh Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn A, nơi cư trú: Xóm 3, thôn ĐY, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, nơi cư trú: Số 14/02, Tổ dân phố số 5, thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và chị Nguyễn Thị C, nơi cư trú: Xóm 4, Thôn Kiều Hạ 1, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, Hải Phòng, là người đại diện theo uỷ quyền của cụ A (văn bản uỷ quyền ngày 02 tháng 02 năm 2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, nơi cư trú: Xóm 3, thôn ĐY, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Văn D, ĐKHKT: Xóm 3, thôn ĐY, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; hiện đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần - Sở Lao động thương binh và Xã hội Hải Phòng; địa chỉ: Thôn An Bò, xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng; vắng mặt.

Người giám hộ cho Ông D: Anh Phạm Văn Đ và chị Đặng Thị E, nơi cư trú: Số 14/02, Tổ dân phố số 5, thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn Đ và chị Đặng Thị E; nơi cư trú: Xóm 3, thôn ĐY, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân (UBND) huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Năm 1952, cụ Phạm Văn A kết hôn với cụ Nguyễn Thị F (chết năm 1959). Năm 1954 cụ A cùng cụ F mua diện tích đất 3,5 sào bắc bộ, xây dựng 03 gian nhà tre ở tại đây. Hai cụ có con là Ông Phạm Văn D và Bà Phạm Thị B. Năm 1976, Ông D lấy bà L và chung sống cùng cụ A. Sau khi cụ F chết, cụ A cùng các con sinh sống tại thửa đất này.

Tháng 12 năm 1960, cụ A kết hôn với cụ Duy Thị G (chết năm 2012) và sinh được 04 người con là: Phạm Thị Tuyên, Phạm Thị Chiến, Phạm Văn Trường, Phạm Văn Kỳ.

Năm 1976, Ông Phạm Văn D kết hôn với Bà Nguyễn Thị L không đăng ký kết hôn và có 02 con là Anh Phạm Văn Đ và chị Phạm Thị Hải. Ông D và bà L cùng chung sống với cụ A tại nhà của cụ.

Năm 1993, cụ A và cụ G mua 04 sào đất cạnh thửa đất mà cụ đã cùng cụ F mua (sau đó xã lấy lại một phần, còn lại 2,5 sào đất ở và 0,5 sào ao). Cụ A và cụ G về chung sống tại thửa đất này, còn diện tích đất mua cùng cụ F thì mẹ đẻ của cụ và các con tiếp tục ở tại đây.

Sau khi kết hôn với Bà Nguyễn Thị L, Ông D lại lên đường đi bộ đội. Bà L và hai con vẫn ở trên diện tích đất này. Nhưng hiện nay chỉ có bà L, Anh Phạm Văn Đ và chị Đặng Thị E (là vợ Anh Đ) sinh sống. Chị Hải đã đi lấy chồng ở nơi khác.

Sau khi đi bộ đội về, Ông Phạm Văn D không chung sống và không còn quan hệ vợ chồng với Bà Nguyễn Thị L. Ông D chung sống với bà Nguyễn Thị Gái ở xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng nhưng không đăng ký kết hôn và sinh

được một con là anh Phạm Văn Định. Ông D chung sống với bà Gái được mấy năm lại về trở về sinh sống với Bà B tại quận Kiến An.

Từ năm 1991, Ông D có biểu hiện của người bị tâm thần, tự dưỡng bệnh tại nhà và Bà B là người chăm sóc. Năm 2015, Ông D được bệnh viện Tâm thần Hải Phòng chẩn đoán bị bệnh tâm thần phân liệt. Từ năm 2018 đến nay Ông D đang được chăm sóc tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần - Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội Hải Phòng. Bà L và các con của bà L không chăm sóc Ông D nên Bà B là người chăm sóc anh trai.

Năm 1993, Ủy ban nhân dân xã đo đạc lại các diện tích đất, cụ A nói làm cho Ông D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không biết lý do gì, Ủy ban nhân dân huyện An Dương lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Liên (sau này chị Liên nói, cụ A mới biết chị Liên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên chị Liên). Trên thực tế bà L và Ông D không còn chung sống với nhau từ năm 1980.

Năm 1994, Bà Nguyễn Thị L đã tự ý làm thủ tục sang tên thửa đất nêu trên của vợ chồng cụ A và được Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00959 QSDĐ ngày 04/10/1994 cho chủ sử dụng là Nguyễn Thị Liên mà cụ A không được biết và không được sự đồng ý của cụ. Cụ A cũng không ký vào bất kỳ văn bản nào tặng cho diện tích đất nêu trên cho Bà Nguyễn Thị L.

Năm 2007, Bà Nguyễn Thị L đã tự ý phá dỡ ngôi nhà của cụ A để xây ngôi nhà 1,5 tầng trên diện tích đất của cụ (cụ A không đồng ý nhưng bà L vẫn cố tình xây dựng). Bà L xây nhà bằng tiền của bà L, cụ A không có tranh chấp gì đối với căn nhà này.

Lý do cụ A khởi kiện: Do bà L xử sự không đúng mực, có lời lẽ xúc phạm. Cụ A đã yêu cầu bà L chia cho Bà B 200m² đất nhưng bà L không đồng ý, có thái độ không đúng mực với cụ A. Thực tế cụ A cho Ông D chứ không cho bà L.

Cụ A yêu cầu:

1. Chia đôi diện tích đất 1.156,3m² (đã được đo vẽ lại thực tế) thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 tại thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng: Bà L trả lại cho cụ A 578,15m² (diện tích đất này sẽ giao cho Bà Phạm Thị B và Ông Phạm Văn D, mỗi người một nửa). Còn lại diện tích đất 578,15m², cụ A cho Bà Nguyễn Thị L được quản lý, sử dụng.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00959 QSDĐ ngày 04/10/1994 do Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là UBND huyện An Dương), thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sử dụng là Bà Nguyễn Thị L.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 7 năm 2022, bị đơn là Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L kết hôn với Ông Phạm Văn D từ năm 1975 nhưng không đăng ký kết hôn và cùng chung sống cùng với cụ A tại diện tích đất hiện nay cụ A đang tranh chấp. Khi về ở, trên đất có một nhà ba gian mái ngói. Năm 2007, bà L đã phá nhà cũ, xây nhà căn nhà mái bằng 01 tầng và công trình phụ như hiện nay. Hai vợ chồng con trai là Phạm Văn Nam và Đặng Thị Thuỷ đóng góp cùng xây dựng.

Năm 1982, Ông D bỏ mẹ con bà L, lấy vợ và có con ở nơi khác, không có trách nhiệm với bà L và các con. Bà L và Ông D không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế.

Khi bà L về làm dâu được khoảng 2-3 năm thì cụ A sang thửa đất khác xây dựng nhà ở riêng. Còn căn nhà cũ cho vợ chồng bà L (cụ A chỉ nói cho hai vợ chồng, không hợp gia đình).

Năm 1993, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình. Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất đối với người đang thực tế sử dụng nên năm 1994 bà L được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.200m² đất thổ cư. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, bà L không thông báo cho cụ A và anh chị em chồng biết.

Năm 2007, khi bà L và các con xây dựng lại nhà, có hỏi cụ A đồng ý nên bà L và các con mới xây dựng ngôi nhà như hiện nay. Bà L đã ở tại diện tích đất này từ năm 1975.

Quan điểm của bà L đồng ý cho Bà B 200m² đất. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ A vì cụ A đã cho vợ chồng bà và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 7 năm 2022 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Anh Phạm Văn Đ và chị Đặng Thị Thuỷ:

Anh Đ là con đẻ của Ông D và bà L. Từ khi Anh Đ còn nhỏ, Ông D đã bỏ mẹ con anh đi ở nơi khác, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Hiện Ông D ở đâu, Anh Đ không biết. Năm 2007, vợ chồng Anh Đ hỗ trợ cùng bà L xây dựng lại căn nhà cũ do đã xuống cấp thành căn nhà mái bằng 1,5 tầng và công trình phụ trên đất.

Năm 1994, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.200m². Từ khi mẹ con Anh Đ xây dựng lại nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ A và các anh em của Ông D không ai có ý kiến gì. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là hợp pháp vì cụ A đã cho bà L nên Anh Đ và chị Thuỷ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ A.

Đối với Ông D: Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/12/2022 tại Trung tâm điều dưỡng người tâm thần Hải Phòng được biết, Ông D hiện đang được chăm sóc tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần - Sở Lao động Thương Binh và

Xã Hội Hải Phòng là đối tượng khuyết tật tâm thần. Cụ A và người đại diện của cụ không yêu cầu giám định tâm thần đối với Ông D. Toà án đã tiến hành ghi lời khai của Ông D nhưng Ông D không trả lời được các câu hỏi liên quan đến vợ, con và tranh chấp đất đai.

Đối với Uỷ ban nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng không đến Toà án làm việc, không có lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và các phiên toà. Không giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là cụ Phạm Văn A:

+ Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00959 QSDĐ ngày 04/10/1994 do UBND huyện An Hải cấp cho chủ sử dụng đất Nguyễn Thị Liên.

+ Phân chia diện tích đất là di sản thừa kế và là tài sản chung vợ chồng của cụ Phạm Văn A, cụ Nguyễn Thị F tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo phương thức: Giao cho Bà Nguyễn Thị L được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là 578,1m²; giao cho Ông Phạm Văn D và Bà Phạm Thị B mỗi người được quản lý, sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích thửa đất là 289m².

Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn và các đương sự khác vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa Ông D và bà L: Căn cứ vào lời khai của bà L trình bày giữa bà và Ông D chung sống với nhau từ năm 1975 không đăng ký kết hôn và có hai con chung. Từ năm 1982, Ông D bỏ mẹ con bà L, để chung sống với bà Vũ Thị Gái và có con chung với bà Gái tại huyện Tiên Lãng, Ông D không có trách nhiệm với bà L và các con. Bà L và Ông D không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Lời khai của bà L phù hợp với lời khai của cụ A và người đại diện của cụ thừa nhận từ khi Ông D đi bộ đội về, Ông D và bà L không còn chung sống với nhau như vợ chồng và Ông D đã chung sống với bà Vũ Thị Gái, có con chung. Phù hợp với lời khai của bà Vũ Thị Gái thừa nhận giữa bà Vũ Thị Gái và Ông D có chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1982 và có hai con chung (một con gái đã chết từ nhỏ và một con trai), bà Gái và Ông D không còn chung sống với nhau từ năm 2002. Như vậy, mặc dù Ông D và bà L không giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhưng hôn nhân thực tế của ông bà đã chấm dứt, không còn nghĩa vụ gì với nhau từ khi Ông D chung sống như vợ chồng với bà Gái và có con chung với bà Gái theo Án Lệ số 41/2021/AL ngày 12/3/2021 về chấm dứt hôn nhân thực tế của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về tài sản tranh chấp và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

[4.1] Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp hiện nay bà L quản lý, sử dụng có nguồn gốc của cụ A và cụ F. Sau khi cụ F chết, cụ A chung sống với cụ Duy Thị G và tạo dựng một tài sản khác, không liên quan đến tài sản của cụ A và cụ F. Đây là tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận nên không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, xác định diện tích đất 1.156,3m² (được đo vẽ lại thực tế) thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của cụ A và cụ F. Hai cụ có công sức ngang nhau trong việc tạo dựng khối tài sản chung, mỗi cụ có ½ tài sản.

[4.2] Bà L cho rằng cụ A đã cho vợ chồng bà diện tích đất trên nên không đồng ý trả lại đất cho cụ A. Nhưng xét thấy việc cho không có văn bản tặng cho, không có biên bản họp gia đình. Diện tích đất đang tranh chấp là tài sản chung của cụ A và cụ F nên nếu có việc cho thì cụ A chỉ có quyền định đoạt ½ tài sản của cụ, không có quyền định đoạt ½ tài sản của cụ F. Mặt khác, bà L và Ông D không còn là quan hệ vợ chồng từ năm 1982. Bà L khai năm 1993, Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất đối với người đang thực tế sử dụng nên năm 1994 bà L được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.200m² đất thổ cư. Khi làm thủ tục cấp

giấy chứng nhận, bà L không thông báo cho cụ A và anh chị em chồng biết. Ngoài ra, xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện An Dương xác nhận không có hồ sơ tại kho lưu trữ của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện An Dương mang tên Bà Nguyễn Thị L và Ông Phạm Văn A nên không có căn cứ xác định việc bà L là chủ sử dụng diện tích đất 1.156,3m² (đã được đo vẽ lại thực tế) thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ 17 hôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Mặt khác tại trang số 73 của sổ mục kê năm 1993 thể hiện chủ sử dụng đất là Ông Phạm Văn D với 1.200m² tại thửa 12, tờ bản đồ 17, trong đó đất vườn là 1.050m², đất thổ cư là 150m². Tại thời điểm năm 1994 bà L và Ông D không còn là vợ chồng. Do vậy, cụ A yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00959 QSDĐ ngày 04/10/1994 do Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là UBND huyện An Dương), thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sử dụng là Bà Nguyễn Thị L là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Như vậy, diện tích đất 1.156,3m² vẫn là tài sản chung của cụ A và cụ F cụ A có quyền định đoạt ½ tài sản của cụ là diện tích đất 578,15m² nhưng cụ đồng ý cho bà L diện tích đất này nên cần ghi nhận sự tự nguyện của cụ A cho bà L được quản lý, sử dụng diện tích đất 578,15m² và phải trả lại cho cụ A và hàng thừa kế của cụ F diện tích đất 578,15m². Đối với diện tích đất này, cụ A đồng ý cho Ông D và Bà B được quản lý, sử dụng mỗi người được ½ tài sản là 289,075m² nên cũng cần ghi nhận sự tự nguyện của cụ A giao cho Bà B và Ông D, mỗi người được quản lý, sử dụng 289,075m². Đối với bà L đã được cụ A cho phần tài sản của cụ nên không tính công sức bảo quản tài sản cho bà L.

[4.4] Về việc phân chia đất: Giao phần đất có tài sản của bà L và vợ chồng Anh Đ chị Thủy cho bà L quản lý, sử dụng để phù hợp với thực tế sử dụng đất. Diện tích đất không có tài sản sẽ giao cho Ông D và bà L quản lý, sử dụng.

[5] Từ các nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và sự tự nguyện của cụ A.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị B, Bà Nguyễn Thị L và Ông Phạm Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 4 điều 34; Điều 37; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ hướng dẫn tại Án Lệ số 41/2021/AL ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Phạm Văn A:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00959 QSDĐ ngày 04/10/1994 Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay là UBND huyện An Dương), thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sử dụng là Bà Nguyễn Thị L diện tích đất 1.200m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 tại thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho cụ Phạm Văn A, Ông Phạm Văn D và Bà Phạm Thị B 578,15m² đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 tại thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Văn A về việc:

Bà Phạm Thị B được quản lý sử dụng diện tích đất 289,07m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 tại thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc giới 1-12-15-11-1 (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Phạm Văn D được quản lý sử dụng diện tích đất 289,07m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 tại thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc giới 12-13-14-10-15-12 (có sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Nguyễn Thị L được quản lý sử dụng diện tích đất 578,15m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 tại thôn Đào Yêu, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có các mốc giới 13-2-3-4-5-6-7-8-9-14-13 (có sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện An Dương để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ủy ban nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất cho họ khi họ có yêu cầu theo quyết định của bản án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị B, Ông Phạm Văn D và Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Hùng - Nguyễn Thị Vinh

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Hùng - Nguyễn Thị Vinh

Đặng Hồ Điệp